

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **237/2022/HNGĐ-ST**.

Ngày: 26/7/2022.

V/v: “Ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan - Cán bộ hưu trí;

2. Bà Huỳnh Thị Minh Huệ - Cán bộ phụ trách Phòng dân số, Trung tâm y tế Biên Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1177/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Tố Q**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: C1, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Công ty B – Lô 101/2 khu công nghiệp A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông **Tô Kim H**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: 28/140C, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Q, ông H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/7/2022, nguyên đơn bà Phạm Tố Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H kết hôn với nhau vào năm 2019, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có tổ chức cưới hỏi. Trong thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2020 phát sinh nhiều mâu thuẫn; Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính tình dẫn đến hay gây gổ, cãi vã với

nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Vợ chồng bà đã tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả. Từ năm 2021, bà về nhà mẹ đẻ sống và ly thân với ông H từ đó cho đến nay. Bà xác định mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà Q khai không có.

Bà Q xác định tài sản chung, nợ chung của vợ chồng là không có.

Do bận công việc nên bà đề nghị vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Theo bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 01/7/2022, bị đơn ông Tô Kim H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Q kết hôn với nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu đến năm 2021, hai vợ chồng xảy ra lục đục, cãi vã, bà Q giận dỗi bỏ về nhà mẹ sống. Cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Ông và bà Q sống ly thân đến nay. Nay, bà Q xin ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông H xác định không có.

Ông H xác định vợ chồng ông không có tài sản chung, nợ chung.

Do bận công việc nên ông đề nghị vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và lời trình bày, tranh luận của đương sự tại phiên tòa hôm nay có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q đối với ông H, do không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không xem xét vì hai bên không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tổ tụng:

- Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Bà Phạm Tô Q khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Tô Kim H. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà Q là nguyên đơn, ông H là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn”.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Tô Kim H có địa chỉ thường trú và cư trú tại phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về thủ tục tố tụng khác: Bà Phạm Tô Q và ông Tô Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Phạm Tô Q và ông Tô Kim H chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 135 ngày 12/9/2019. Đối chiếu quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân của bà Q và ông H là hợp pháp.

Bà Q và ông H đều thừa nhận sau quá trình chung sống ban đầu thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2021 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm nhau.

Xét thấy: Quá trình làm việc, bà Q và ông H đều thừa nhận sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, hai vợ chồng hay gây gổ, xung đột, cãi vã với nhau. Bản thân ông H cũng thừa nhận trong quá trình chung sống, thời gian đầu đến năm 2021, hai vợ chồng xảy ra lục đục, cãi vã, bà Q giận dữ bỏ về nhà mẹ sống; Ông và bà Q sống ly thân đến nay; Nay, bà Q xin ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà Q và ông H là có thật, trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của bà Q và ông H là phù hợp.

Về con chung: Bà Q và ông H xác định không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q và ông H xác định không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Tô Q phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Tố Q đối với ông Tô Kim H.

Cho bà Phạm Tố Q được ly hôn ông Tô Kim H.

2. Về con chung: Không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q và ông H xác định không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Tố Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Q đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002325 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; bà Q đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bà Phạm Tố Q, ông Tô Kim H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự TP.Biên Hòa;
- UBND P.T, TP. B;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hòa